

Đơn vị: **Sở Nội vụ**
Chương: **435**

Biểu số 1

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /7/2021 của Sở Nội vụ)

ĐV tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				Đơn vị Văn phòng Sở Nội vụ	Đơn vị Ban Thi đua - Khen thưởng	Đơn vị Ban Tôn giáo	Đơn vị Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-531.790	-531.790	-531.790			
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)						
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
	<i>Kinh phí thực hiện chi tiền lương và hoạt động thường xuyên</i>						
	<i>- Kinh phí 10% CCTL tại đơn vị</i>						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
2	Nghiên cứu khoa học						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-531.790	-531.790	-531.790			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-531.790	-531.790	-531.790			
	<i>Kinh phí đào tạo CBCC (Loại 070, khoản 085)</i>						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				Đơn vị Văn phòng Sở Nội vụ	Đơn vị Ban Thi đua - Khen thưởng	Đơn vị Ban Tôn giáo	Đơn vị Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh
	<i>Đào tạo khác (Loại 070, khoản 083)</i>						
	<i>Điều chỉnh kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển theo Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Loại 070, khoản 083)</i>	-531.790	-531.790	-531.790			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
11	Chi Chương trình mục tiêu						